

Số: 3449 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Hóa An và các hộ gia đình, cá nhân thuộc Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1137/TTr-STNMT ngày 01 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Hóa An và các hộ gia đình, cá nhân thuộc Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành với các nội dung cụ thể sau:

Tổng giá trị phương án bồi thường hỗ trợ:

4.538.702.312 đồng.



(Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, ba trăm mười hai đồng).

Trong đó:

- Giá trị bồi thường về đất: 0 đồng;
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc: 2.877.661.010 đồng;
- Giá trị bồi thường cây trồng: 1.603.041.302 đồng;
- Thuởng di dời: 58.000.000 đồng.

(Bảng tổng hợp kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Long Thành chỉ đạo Hội đồng Bồi thường dự án và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, Công ty Cổ phần Hóa An và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Bồi thường dự án, Trưởng các Phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dự án: Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành
(Kèm theo Quyết định số: 3449/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Thường di dời	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thường di dời
			Nông nghiệp	Đất lúa	Phi nông nghiệp	Đất ở	Đất chưa sử dụng					
1	Công ty Cổ phần Hòa An	319.837,9						2.403.000.000	0		12.000.000	2.415.000.000
2	Lê Minh Trí							121.853.880			8.000.000	129.853.880
3	Nguyễn Đồng Mùi							251.052.960			10.000.000	261.052.960
4	Lê Văn Đức							101.754.170			8.000.000	109.754.170
5	Vũ Thị Bích Chung								1.545.068.802		12.000.000	1.557.068.802
6	Lâm Thị Thu Lang								30.694.000		4.000.000	34.694.000
7	Đỗ Văn Dương								27.278.500		4.000.000	31.278.500
Tổng cộng:		319.837,9						2.877.661.010	1.603.041.302		58.000.000	4.538.702.312